

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 12 - 6 - 2024

V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Tâm

Ông Nguyễn Văn Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**
Ông Trần Minh Công - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2024/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024 về việc "Xin ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2024/QĐ-PT ngày 27/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn T, sinh năm: 1971; Địa chỉ: A thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc T1, sinh năm: 1973; Địa chỉ: A thôn L, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

Do có kháng cáo của: Bà Lê Thị Ngọc T1 – Bị đơn.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn ông Đỗ Văn T trình bày:
Ông bà Lê Thị Ngọc T1 tự nguyện kết hôn năm 1992, có đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ. Ông bà chung sống thời gian đầu cũng hạnh

phúc nhưng sau vài năm thì vợ chồng không còn hạnh phúc do bà T1 có hành vi đánh số đề, đánh bạc từ năm 2001. Bà T1 đã có lúc hốt hụi và bỏ con bỏ nhà đi rồi lại bông con trở về. Kể từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và thời gian phát sinh mâu thuẫn trầm trọng bắt đầu từ năm 2012 trở về sau này. Do diễn biến mâu thuẫn vợ chồng liên tục như vậy trong thời gian dài nên ngày càng trở nên trầm trọng nhưng vì các con nên ông vẫn cố gắng chịu đựng. Tuy bà T1 không đồng ý ly hôn nhưng ông cho rằng tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T1 đã không còn. Việc bà T1 trình bày do bà bị bệnh nên không muốn ly hôn thì ông cho rằng ai cũng bị bệnh và kể cả ông cũng đang bệnh. Việc bà T1 bị bệnh là do bà thường xuyên mua những loại thuốc không rõ nguồn gốc được quảng cáo trên Internet. Hiện nay, tuy ông và bà T1 có ở chung nhà nhưng thường xuyên xô xát, cãi nhau và bà T1 thường xuyên ra đường lớn tiếng làm mất trật tự tại địa phương. Thậm chí bà T1 còn cầm dao đe dọa đòi đâm ông và đăng bài nói xấu ông trên mạng xã hội. Ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T1.

Theo bị đơn bà Lê Thị Ngọc T1 trình bày: Bà thừa nhận về việc kết hôn như ông T đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ năm 2021 bà phát hiện ông T có quan hệ với người phụ nữ khác nên bà và ông T đã phát sinh mâu thuẫn. Ông T yêu cầu bà làm đơn ly hôn nhưng bà không đồng ý. Sau đó, ông T đã chủ động làm đơn ly hôn và nộp ra Tòa án nhưng lại rút lại để vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết tài sản. Tuy nhiên việc phân chia tài sản giữa các bên không công bằng nên bà đã khởi kiện lại nhưng đã rút đơn khi phát hiện đang bị bệnh.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà thừa nhận trong quá trình chung sống bà có chơi số đề, cờ bạc nhưng vì ông T thường xuyên bỏ đi với những người phụ nữ khác làm cho bà nảy sinh tâm lý chán nản nên mới chơi cờ bạc và đánh số đề. Mặt khác, bà cũng thừa nhận bà và ông T thường xuyên xô xát, có đánh nhau, ông T đập rựa và búa ngay cửa nhà trên, tua vít trên đầu giường và thường đe dọa bà. Bà cũng thừa nhận có cầm dao đe dọa đòi đâm ông T vì bà thấy quá buồn vì ở chung nhà nhưng ông T không quan tâm đến bà nên bà cầm dao dọa ông và nghĩ rằng có chết thì cả hai cùng chết. Từ năm 2021 đến nay, bà không chơi cờ bạc và đánh số đề nữa vì cần để dành tiền chữa bệnh và lo tập trung điều trị. Hiện tại bà vẫn còn tình cảm với ông T nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đỗ Thị Lệ T2, sinh năm 1994; Đỗ Văn T3, sinh năm 1997; Đỗ Phúc T4, sinh ngày 28/12/2011. Cháu T2

và cháu T3 đều đã trưởng thành. Riêng cháu T4 đang học lớp 6 Trường THCS T5 vẫn đang ở chung với ông bà.

Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì bà đề nghị ông T phải có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu T4 hoặc nếu bà nuôi dưỡng cháu T4 thì mỗi tháng ông T phải cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ. Ông T thống nhất nhận nuôi dưỡng cháu T4 và không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai ông bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành

Tại bản án số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương đã xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn ông Đỗ Văn T đối với bị đơn bà Lê Thị Ngọc T1. Cho ông Đỗ Văn T được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc T1.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đỗ Phúc T4, sinh ngày 20/11/2011 cho bà Lê Thị Ngọc T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Văn T về việc cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đỗ Phúc T4 mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu T4 đủ 18 tuổi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 15/4/2024 bị đơn bà Lê Thị Ngọc T1 kháng cáo không đồng ý ly hôn với ông T.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông T.

Nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Đề nghị

Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của bà T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà T1 nộp trong hạn luật định, người kháng cáo, thủ tục kháng cáo được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc T1 yêu cầu được đoàn tụ gia đình thì thấy rằng: Vợ chồng ông T, bà T1 đều thừa nhận quá trình sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng không còn tin tưởng nhau về tình cảm, về kinh tế dẫn đến xúc phạm lẫn nhau, đả báng và bình luận trên mạng xã hội, đe dọa và nhiều lần xô xát lẫn nhau. Tại phiên tòa bà T1 xin được đoàn tụ gia đình và cung cấp 03 tấm hình chứng minh hiện nay bà đang bị bệnh nhưng ông T không chăm sóc mà còn ngang nhiên ngoại tình, đánh bà xin ly hôn trong lúc bà đang bị bệnh (xơ gan, mỡ máu) là trốn tránh nghĩa vụ chăm sóc vợ lúc bệnh tật, nhưng bà không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, còn ông T kiên quyết xin được ly hôn vì vợ chồng không còn tin tưởng tôn trọng lẫn nhau nữa, ông không ngoại tình và không có nghĩa vụ phải đoàn tụ để chăm sóc bà T1. Tòa án cấp sơ thẩm phân tích, nhận định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã kéo dài trong nhiều năm và ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, cho ông T được ly hôn với bà T1 là phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo bị đơn bà Lê Thị Ngọc T1. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương như ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc T1. Giữ nguyên Bản án số 12/2024/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đỗ Văn T đối với bà Lê Thị Ngọc T1. Cho ông Đỗ Văn T được ly hôn với bà Lê Thị Ngọc T1.

2. Về con chung: Con chung Đỗ Thị Lệ T2; sinh năm; 1994; Đỗ Văn T3; sinh năm; 1997 đã trưởng thành ở với ai do con chung tự quyết định. Giao con chung Đỗ Phúc T4, sinh ngày 20/11/2011 cho bà Lê Thị Ngọc T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Đỗ Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 4/2024 cho đến ngày con chung trưởng thành.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc ông Đỗ Văn T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002362 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Ông Đỗ Văn T còn phải nộp tiếp 300.000đ án phí còn thiếu.

Buộc bà Lê Thị Ngọc T1 phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002491 ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LĐ;
- TAND huyện Đơn Dương (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (02);
- Lưu AV – HS (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân

